

Số: 64 /GPMT-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày 10 tháng 12 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét các đề nghị của Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc tại Công văn số 1310/TTYT-CSCM ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của Cơ sở Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc cơ sở Chân Mây; Công văn số 2083/TTYT-KSNK ngày 02 tháng 12 năm 2024 về việc giải trình các nội dung bổ sung, chỉnh sửa trong Báo cáo đề xuất cấp GPMT cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc cơ sở Chân Mây”;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 524/TTr-STNMT-MT ngày 06 tháng 12 năm 2024;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc, địa chỉ văn phòng: đường Từ Dũ, thị trấn Phú Lộc, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc cơ sở Chân Mây” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc cơ sở Chân Mây.

1.2. Địa điểm hoạt động: thôn Phú Cường Xuyên, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.3. Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh: 0315/TTH-GPHĐ ngày 16 tháng 12 năm 2022 của Sở Y tế tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.4. Mã số thuế 3300309637

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Diện tích: 32.564,1m²

- Quy mô giường bệnh và khám chữa bệnh: 200 giường bệnh.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Trung tâm Y tế huyện Lộc có trách nhiệm:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép là 10 năm kể từ ngày ký.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục Bảo vệ môi trường tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án, cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc;
- UBND huyện Phú Lộc;
- UBND xã Lộc Thủy;
- Công Thông tin điện tử UBND tỉnh;
- CVP và các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu VT, CT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Phan Quý Phương

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: phát sinh từ hoạt động khám chữa bệnh.
- Nguồn số 2: phát sinh từ quá trình sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên, bệnh nhân và người nhà bệnh nhân.
- Nguồn số 3: phát sinh từ khu vực căn tin.
- Nguồn số 4: phát sinh từ khu vực giặt là.
- Nguồn số 5: phát sinh từ quá trình rửa tay sát khuẩn, vệ sinh sàn tại kho chất thải nguy hại.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận: Nước thải phát sinh tại Trung tâm y tế huyện Phú Lộc cơ sở Chân Mây được thu gom và đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung và có 01 dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước nằm ngoài hàng rào Trung tâm, mương theo dòng chảy dẫn xả vào sông Phú Xuyên, đoạn chảy qua xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

2.2.1. Vị trí xả nước thải:

- Tại mương thoát nước ngoài hàng rào Trung tâm y tế huyện Phú Lộc cơ sở Chân Mây, xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN- 2.000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiếu 3⁰):

X (m): 1.801.149,40

Y (m): 600.191,41

2.2.2. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 200 m³/ngày.đêm (24 giờ);

2.2.2.1. *Phương thức xả nước thải:* tự chảy, xả mặt.

2.2.2.2. *Chế độ xả thải:* liên tục (24 giờ);

2.2.2.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với nước thải, cụ thể như sau:*

Stt	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 28:2010/BTNMT Giá trị C_{max} , Cột A, K=1,2)	Tần suất quan trắc	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	6,5-8,5	Không thuộc đối tượng quan trắc	Không thuộc đối tượng phải quan trắc tự động, liên tục
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	36		
3	COD	mg/l	60		
4	TSS	mg/l	60		
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	1,2		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	6		
7	Nitrat (tính theo N)	mg/l	36		
8	Phosphat (tính theo P)	mg/l	7,2		
9	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	12		
10	Tổng coliforms	MPN/ 100mL	3000		
11	Salmonella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
12	Shigella	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		
13	Vibrio cholerae	Vi khuẩn/ 100ml	KPH		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và thoát nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

1.1.1. Công trình thu gom nước thải tại cơ sở

- Nước thải từ các bồn xí, bồn tiểu được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại, sau đó đưa đến Hệ thống xử lý nước thải tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải sinh hoạt từ hoạt động ăn uống, tắm rửa, vệ sinh... được tách rác sơ bộ sau đó đưa đến Hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ hoạt động khám chữa bệnh được tách rác sơ bộ thu gom sau đó đưa đến Hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung để tiếp tục xử lý.

- Nước thải từ khu giặt là được thu gom về Hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung để xử lý.

- Toàn bộ lượng nước thải phát sinh được thu gom bằng các ống nhựa D34, D42... sau đó đầu nối vào hệ thống dẫn chính gồm các hố ga và cống BTCT D400

dài khoảng 217m dẫn về Hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung.

- Nước thải từ quá trình rửa tay sát khuẩn, vệ sinh sàn tại kho chất thải nguy hại được thu gom bằng ống nhựa D34 chiều dài 7m sau đó đưa đến Hệ thống xử lý nước thải tập trung tập trung để tiếp tục xử lý.

1.1.2. Mạng lưới thoát nước thải, điểm xả nước thải sau xử lý

Nước thải sau xử lý được dẫn bằng cống BTCT D400 dài khoảng 170m, dẫn nước thải sau xử lý ra mương nước ngoài hàng rào Trung tâm, dẫn xả vào sông Phú Xuyên, đoạn chảy qua xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

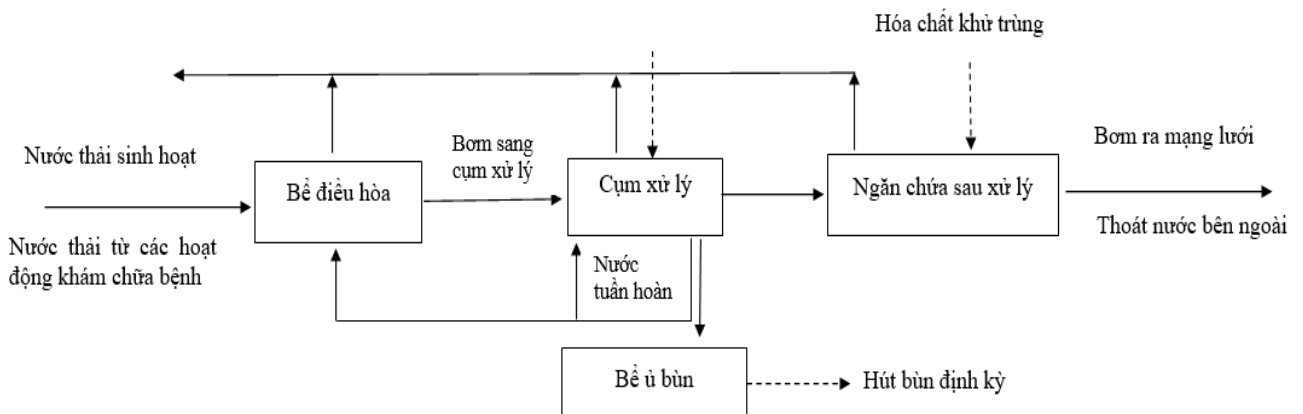
1.2.1. Bể tự hoại

Cơ sở đã xây dựng 17 bể tự hoại, kích thước (4,0x2,0x1,4)m/bể để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải từ bồn xí, bồn tiểu.

1.2.2 Hệ thống xử lý nước thải tập trung:

+ Công suất xử lý: 200 m³/ngày đêm.

+ Sơ đồ quy trình công nghệ xử lý nước thải



- Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 28:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải y tế (giá trị C_{max} , cột A, K=1,2; đối với các thông số pH, tổng coliforms, Salmonella, Shigella và Vibrio cholera sử dụng hệ số K=1) trước khi xả vào sông Phú Xuyên, đoạn chảy qua xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Kích thước các bể xử lý:

STT	Tên bể	Vật liệu	Kích thước L×W×H (m)	Số lượng (bể)	Thể tích (m ³)
1	Bể tách rác	BTCT	4,0x1,1x3,0	01	13,20

STT	Tên bể	Vật liệu	Kích thước L×W×H (m)	Số lượng (bể)	Thể tích (m ³)
2	Bể điều hòa	BTCT	5,6x4,0x3,0	01	67,20
3	Bể chứa bùn	BTCT	6,9x1,7x2,9	01	34,02
4	Khoang chứa đệm vi sinh	Thiết bị hợp khối	6,8x2,05x2,35	02	37,68
5	Khoang tuần hoàn	Thiết bị hợp khối	1,4x2,05x2,35	02	7,74
6	Khoang lọc và chứa nước sau xử lý	Thiết bị hợp khối	1,5x2,05x2,35	02	7,79
7	Khoang khử trùng và chứa bơm đầu ra	Thiết bị hợp khối	1,0x2,05x2,3	02	4,46

- Danh mục máy móc thiết bị:

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Vị trí lắp đặt	Đơn vị	Số lượng
1	Máy sục khí thiết bị FRP	- Đường kính ống thổi: 65 mm - Áp suất: 0,02 Mpa - Lưu lượng: 3,43 m ³ /phút - Công suất: 2,2 kW - Xuất xứ: Nhật Bản	Nhà điều hành	Cái	02
2	Máy sục khí bể điều hòa	- Đường kính ống thổi: 40 mm - Áp suất: 0,03 Mpa - Lưu lượng: 1,0 m ³ /phút - Công suất: 1,5 kW - Xuất xứ: Nhật Bản	Nhà điều hành	Cái	01
3	Bơm tại bể điều hòa	- Đường kính ống thổi: 65 mm - Áp suất: 9,5 mH ₂ O - Lưu lượng: 0,4 m ³ /phút - Công suất: 1,5 kW - Xuất xứ: Nhật Bản	Bể điều hòa	Cái	02
4	Bơm nước đầu	- Đường kính ống thổi: 50	Khoang khử	Cái	02

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đặc tính kỹ thuật	Vị trí lắp đặt	Đơn vị	Số lượng
	ra	mm - Áp suất: 9,3 mH ₂ O - Lưu lượng: 0,08 m ³ /phút - Công suất: 0,4 kW - Xuất xứ: Nhật Bản	trùng và chứa bơm đầu ra		

- Hóa chất, chế phẩm vi sinh trong xử lý nước thải

Stt	Tên hóa chất, chế phẩm vi sinh	Công đoạn xử lý có sử dụng	Đơn vị	Khối lượng
1	Chlorine	Khử trùng	kg/năm	18
2	Men vi sinh	Khoang chứa đệm vi sinh	l/năm	23

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Cơ sở không thuộc trường hợp phải vận hành thử nghiệm.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung có tọa độ VN 2.000, kinh tuyến trực 107°, múi chiều 3° như sau:

X (m): 1.801.148,43; Y (m): 600.035,86

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với tiếng ồn như sau:

Stt	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	55	45	Khu vực đặc biệt

3.2. Độ rung:

Độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Giá trị giới hạn theo QCVN đối với độ rung như sau:

Stt	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	
1	60	55	Khu vực đặc biệt

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Hạn chế sử dụng còi xe và quy định tốc độ xe lưu thông trong Trung tâm.
- Quy định giờ hoạt động của các phương tiện vận tải trong Trung tâm.
- Trồng cây xanh tạo vành đai cây xanh xung quanh khuôn viên Trung tâm.
- Lắp đặt đệm chống rung tại máy phát điện nhằm giảm rung động cũng như tiếng ồn có thể phát sinh.

- Kiểm tra độ mòn của chi tiết định kỳ và thường kỳ cho dầu bôi trơn hoặc thay thế những chi tiết hư hỏng.

- Bố trí hệ thống thông gió có kết hợp các thiết bị tiêu âm phù hợp sử dụng trong hệ thống thông gió, để giảm thiểu âm thanh phát ra từ các máy móc, thiết bị và giảm được ảnh hưởng từ tiếng ồn, độ rung từ các hoạt động bên ngoài.

- Định kỳ tiến hành hiệu chuẩn các máy móc, thiết bị của Trung tâm.

- Quy định thời gian thăm bệnh cũng như các quy tắc thăm bệnh trong các phòng chuyên khoa của Trung tâm. Phổ biến quy định thăm bệnh của Trung tâm đến bệnh nhân và thân nhân.

- Thường xuyên dọn dẹp, chặt cây bụi, vệ sinh sạch sẽ khu vực xử lý nước thải tập trung của Trung tâm.

- Tại khu vực Hệ thống xử lý nước thải, các máy bơm được lắp đặt ngầm và thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc thiết bị để hạn chế tiếng ồn phát sinh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn và độ rung.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

Trong quá trình hoạt động cơ sở phát sinh các loại chất thải nguy hại sau:

Stt	Tên chất thải	Mã CTNH	Tính chất nguy hại chính	Trạng thái (thể tồn tại thông thường)	Khối lượng (Kg/năm)
1	Chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn)	13 01 01	LN	Rắn/lỏng	798
2	CTNH không lây nhiễm				
2.1	Hoá chất thải bao gồm hoặc có các thành phần nguy hại	13 01 02	Đ, ĐS	Rắn/lỏng	15
2.2	Dược phẩm gây độc tế bào (cytotoxic và cytostatic) thải	13 01 03	Đ	Rắn/lỏng	5
Tổng cộng					818

1.2. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh:

Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường phát sinh tại cơ sở được thống kê như sau:

Stt	Loại chất thải	Mã chất thải	Trạng thái (thể tồn tại thông thường)	Khối lượng (Kg/năm)
A	CTR thông thường sử dụng để tái chế			400
I	Chất thải là vật liệu giấy			
1	Giấy, báo, bì, thùng các-tông, vỏ hộp	18 01 05	Rắn	100

	thuốc và các vật liệu giấy			
II	Chất thải là vật liệu nhựa			
1	Các chai nhựa đựng thuốc, hóa chất không thuộc nhóm gây độc tế bào hoặc không có cảnh báo nguy hại từ nhà sản xuất	18 01 06	Rắn	50
2	Các chai nước giải khát bằng nhựa và các sản phẩm bằng nhựa khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 06	Rắn	80
3	Các chai dịch truyền nhựa, dây truyền dịch, bơm tiêm nhựa (không bao gồm đầu sắc nhọn), vật liệu nhựa khác	18 01 11	Rắn	100
III	Chất thải là vật liệu kim loại			
1	Các chai, lon nước giải khát và các vật liệu kim loại khác sử dụng trong hoạt động sinh hoạt thường ngày	18 01 08	Rắn	70
B	CTR thông thường không sử dụng để tái chế			5.720
1	Chất thải sinh hoạt phát sinh từ các khoa, phòng, các buồng bệnh không cách ly không có khả năng tái chế	-	-	5.050
2	Chất thải thực phẩm		Rắn	650
3	Dầu ăn đã qua sử dụng	12 06 11	Lỏng	20
Tổng cộng				6.120

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Bố trí khu vực lưu giữ chất thải nguy hại có diện tích khoảng 25m².
- Bố trí 04 thùng chứa chất thải nguy hại trong đó: 02 thùng HPDE màu đen (thể tích 240 lít/thùng) có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo để thu gom CTNH không lây nhiễm và 01 thùng HPDE màu vàng (thể tích 240 lít/thùng), 01 thùng HPDE màu vàng (thể tích 220 lít/thùng) có dán nhãn phân biệt, mã cảnh báo để thu gom CTNH lây nhiễm

2.2. Thiết bị, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế và chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế được thu gom riêng.

+ Chất thải rắn thông thường sử dụng để tái chế: bố trí 10 thùng bằng nhựa HPDE, dung tích 20 lít/thùng và thùng có lót túi màu trắng, nắp đậy kín và dán nhãn phân biệt tại các phòng điều trị, dọc hành lang.

+ Chất thải rắn thông thường không sử dụng để tái chế: bố trí 15 thùng bằng nhựa HPDE, dung tích 20 lít/thùng và thùng có lót túi màu xanh, nắp đậy kín và dán nhãn phân biệt dọc hành lang, tuyến đường nội bộ. Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng

cụ kháng thùng.

+ Chất thải sắc nhọn đựng trong dụng cụ kháng thùng.

+ Đối với thức ăn thừa: Cơ sở bố trí khoảng 04 xô nhựa màu xanh đựng thức ăn thừa dung tích 6 lít tại khu vực căn tin. Hàng ngày, nhân viên căn tin thu gom lượng thức ăn thừa này.

+ Đối với dầu ăn đã qua sử dụng: dầu này sẽ được thu gom trong ngày, lưu chứa tại 01 thùng nhựa (thể tích 6 lít/thùng) có nắp đậy, thu gom và vận chuyển đến khu vực lưu giữ CTR thông thường ở góc phía Bắc của Trung tâm và xử lý cùng CTR thông thường không sử dụng để tái chế

+ Sử dụng bao bì phân loại chất thải tuân thủ theo Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế quy định về quản lý chất thải y tế trong phạm vi khuôn viên cơ sở y tế.

- Chất thải rắn thông thường được thu gom và vận chuyển đến khu vực lưu giữ CTR thông thường ở hướng Tây Nam của Trung tâm với diện tích khoảng 15m², có kết cấu mái che bằng tôn, sàn bằng bê tông chống thấm. Tại khu vực lưu giữ, Trung tâm bố trí 02 thùng nhựa HPDE (660lít/thùng) để lưu chứa CTR thông thường không sử dụng để tái chế và 02 thùng nhựa HPDE (160lít/thùng) để lưu chứa CTR thông thường sử dụng để tái chế.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Sự cố từ việc hư hỏng thiết bị y tế, thiết bị cấp cứu

Để phòng ngừa sự cố từ việc hư hỏng thiết bị y tế, thiết bị cấp cứu, Trung tâm thường xuyên bảo trì thiết bị và thay thế mới nếu thiết bị cũ có vấn đề hoặc hết hạn sử dụng.

2. Sự cố môi trường do chất thải y tế

Để phòng ngừa sự cố môi trường do chất thải y tế, Trung tâm thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế, giai đoạn 2021- 2025 theo Quyết định số 4290/QĐ-BYT ngày 13/10/2020 của Bộ Y tế, cụ thể như sau:

- Xây dựng, ban hành các hướng dẫn về phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;

+ Rà soát, nghiên cứu đề xuất xây dựng, sửa đổi, bổ sung văn bản, hướng dẫn liên quan đến phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;

+ Xây dựng hướng dẫn về lập kế hoạch PN&UPSCMT do chất thải y tế;

+ Xây dựng quy trình ứng phó sự cố môi trường cho các loại sự cố chất thải y tế tại Cơ sở;

+ Xây dựng các kịch bản và thực hành diễn tập về quy trình ứng phó sự cố cho các loại sự cố môi trường tại Cơ sở;

+ Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật xử lý môi trường sau sự cố cho một số loại sự cố môi trường điển hình do chất thải y tế;

+ Xây dựng hệ thống quản lý phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế;

- Đảm bảo lực lượng, phương tiện, trang thiết bị sẵn sàng ứng phó sự cố môi trường do chất thải y tế:

- + Thành lập Ban chỉ huy PN&UPSC và Đội UPSCMT tại Cơ sở;
- + Chuẩn bị cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác PN&UPSC do chất thải y tế.

3. Sự cố cháy nổ

Để giảm thiểu sự cố cháy nổ, Trung tâm đã thực hiện các biện pháp sau:

- Phối hợp với các cơ quan hữu quan để tập huấn công tác PCCC cho toàn bộ nhân viên của cơ sở, đảm bảo tất cả mọi người đều có thể thực hiện việc PCCC ngay khi có sự cố xảy ra.
- Xây dựng các phương án, nội quy an toàn PCCC và phổ biến đến tất cả bệnh nhân, người thăm bệnh cán bộ, công nhân viên.

4. Sự cố do thiên tai

Để phòng ngừa sự cố do thiên tai, Trung tâm đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thành lập đội phòng chống bão lụt, đội ứng cứu, cứu hộ tại chỗ, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phòng chống, ứng cứu khi có sự cố bão lụt xảy ra.
- Tổ chức diễn tập, xây dựng phương án phòng chống bão lũ.
- Hướng dẫn sơ tán nhanh chóng, an toàn ra khỏi vùng nguy hiểm khi có thiên tai (bão lụt,...) xảy ra.

5. Sự cố rò rỉ tia bức xạ

Để phòng ngừa sự cố rò rỉ tia bức xạ, Trung tâm đã thực hiện các biện pháp sau:

- Phòng chiếu chụp X-Quang xây dựng đảm bảo kích thước theo tiêu chuẩn;
- Kiểm tra độ an toàn về tia xạ theo quy định của “Pháp lệnh An toàn và Kiểm soát bức xạ” do Nhà nước ban hành trước khi sử dụng;
- Trang bị liều kế cá nhân và theo dõi, khám sức khỏe định kỳ cho nhân viên;
- Xây dựng quy trình và nội quy làm việc với bức xạ và giám sát chặt chẽ quá trình thực hiện.

6. Sự cố tại hệ thống thu gom, xử lý nước thải

Để phòng ngừa sự cố tại hệ thống thu gom, xử lý nước thải, Trung tâm đã thực hiện các biện pháp sau:

- Lắp đặt hệ thống điều khiển hoàn toàn tự động, có thể hoạt động liên tục 24/24 giờ, bền bỉ và ổn định trong thời gian dài;
- Các hệ thống thiết bị chính trong Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế theo tiêu chuẩn 1+1, gồm 2 thiết bị, được cài đặt chế độ điều khiển tự động chạy song song hoặc thay đổi chạy luân phiên (6 giờ/lượt), nhằm kéo dài tuổi thọ các thiết bị.
- Các vật tư, linh kiện, thiết bị chế tạo hệ thống được lựa chọn, đặt sản xuất với tiêu chuẩn chất lượng cao, phổ biến, dễ thay thế, sửa chữa nhanh trong 1-2 ngày. Kỹ thuật viên có thể thực hiện kiểm tra, bảo trì, sửa chữa, thay thế ngay cả khi không cần tắt điện toàn bộ hệ thống;
- Tủ điều khiển của Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế, cài đặt các chế độ

điều khiển hệ thống tự động; có các hệ thống phụ trợ kiểm soát điện áp, nhiệt độ, quá dòng, quá tải, lưu lượng và báo lỗi để duy trì hệ thống hoạt động ổn định trong thời gian dài. Các thiết bị chính được thiết kế mạch đóng/cắt và mạch bảo vệ nhiều lớp riêng biệt. Khi có thiết bị gặp sự cố, mạng báo lỗi trên tủ điều khiển được kích hoạt báo sớm cho người vận hành và mạch bảo vệ sẽ ngắt thiết bị (nếu đến ngưỡng) để bảo đảm các thiết bị không bị hư hỏng nặng và không làm ảnh hưởng đến hoạt động chung của toàn Hệ thống xử lý nước thải.

- Hệ thống xử lý nước thải được cài đặt chế độ tự động điều chỉnh khi lưu lượng nước thải đạt Max/ Min nhằm tiết kiệm điện năng, chi phí vận hành, giảm thiểu phát sinh mùi hôi, vi khuẩn và ổn định chất lượng nước thải đầu ra;

- Công suất thiết kế đáp ứng xử lý lượng nước thải phát sinh tối đa trong ngày và phù hợp qui mô phát triển của cả Dự án;

- Hệ thống bể điều hoà, bể phốt, bể gom, đường ống thu gom và các hố ga được thiết kế đảm bảo lưu chứa được 150 -200% lượng nước thải phát sinh trong ngày phòng trường hợp hệ thống phải dừng hoạt động hoàn toàn để kiểm tra, thay thế thiết bị;

- Bố trí hố kiểm tra ngay trước vị trí xả thải ra bên ngoài để kiểm tra, giám sát phát hiện kịp thời nước thải sau khi xử lý chưa đảm bảo điều kiện vệ sinh môi trường.

- Thực hiện tốt công tác duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, đảm bảo máy móc thiết bị hoạt động liên tục;

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi các hiện tượng nứt vỡ, rò rỉ hệ thống đường ống dẫn nước thải để kịp thời phát hiện sự cố và có biện pháp xử lý thích hợp, tránh gây ô nhiễm môi trường đất và nước dưới đất xung quanh;

- Lập sổ nhật ký vận hành để theo dõi hoạt động của hệ thống và những bất thường của hệ thống trong quá trình hoạt động;

- Đóng khóa van xả sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải sẽ được lưu chứa ở bể điều hoà, bể phốt, bể gom, đường ống thu gom và các hố ga và bơm về hệ thống để xử lý khi hoàn tất công tác khắc phục.

7. Sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh

Để giảm thiểu sự cố về vệ sinh an toàn thực phẩm và dịch bệnh, Trung tâm đã thực hiện các biện pháp sau:

- Thực hiện tốt vệ sinh an toàn thực phẩm: bảo quản, chế biến thức ăn hợp vệ sinh.

- Cập nhật các thông tin về các dịch bệnh, bệnh truyền nhiễm có thể lan truyền phát sinh trên địa bàn khu vực để có biện pháp phòng ngừa hiệu quả,...

- Thực hiện vệ sinh môi trường: thu gom xử lý rác thải hằng ngày tránh sự phát sinh của ruồi muỗi...

Phụ lục 4**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 64 /GPMT-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2024 của UBND tỉnh)

1. Trung tâm Y tế huyện Phú Lộc chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Thực hiện đúng các nội dung cam kết tại Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TTBTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Nước thải phải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 3, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường) hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm mua bảo hiểm trách nhiệm bồi thường thiệt hại do sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đúng và đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.